

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2022/HC-ST**

Ngày 08-9-2022

*V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai và quyết định giải quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vịnh;
2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hải Bằng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 29/2021/TLST-HC ngày 03 tháng 11 năm 2021 về "*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140a/2022/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D - Chủ tịch UBND thành phố T (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố T (văn bản ủy quyền số 588/QĐ-UBND ngày 15-02-2022, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường UBND thành phố T (ông T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố T (văn bản ủy quyền số 588/QĐ-UBND ngày 15-02-2022, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường UBND thành phố T (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình: Ông Lại Văn H - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình (văn bản ủy quyền số 3399/QĐ-UBND ngày 30-12-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, ông H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích T - Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước - Sở Tư pháp, tỉnh Thái Bình (có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H: Ông Trần Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Trần Văn L trình bày: Hộ gia đình ông Trần Văn L được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã V, thành phố T tỉnh Thái Bình. Tổng diện tích đất nông nghiệp của cả hộ được giao là 1.197,0 m²; đất nông nghiệp của gia đình ông L được Nhà nước giao cho sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 652/QĐ-UB, ngày 17-11-1993 và Quyết định số 948/2000/QĐ-UB, ngày 25-9-2000 (sau đây viết tắt là các Quyết định 652 và 948). Ngày 05-8-2016, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi diện tích đất nông nghiệp theo hiện trạng là 500,4 m², thu hồi diện tích đất nông nghiệp theo các Quyết định 948 và 652 là 496,0 m², tại các thửa đất số 64 và 248, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của hộ ông L. Căn cứ Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 của UBND thành phố T, thì gia đình ông L được bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là BT, HT, GPMB) tổng số tiền 104.025.600 đồng. Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02-12-2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất, ông L được biết UBND thành phố T thu hồi đất của gia đình ông để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội (dự án Khu đô thị Thương mại - Dịch vụ xã V). Gia đình ông L nhất trí với việc

thu hồi đất của UBND thành phố T đã bàn giao diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi cho UBND thành phố T và đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ 104.025.600 đồng. Sau một thời gian ông L thấy UBND thành phố T giao diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của hộ gia đình ông L và các hộ dân khác trong cùng dự án đó cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T, trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình (ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27-4-2013 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình), dự án tại xã V, thành phố T là “*Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ*”. Quá trình thực hiện, Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án mà Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long thực hiện, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, quá trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư, UBND thành phố T áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau để chi trả cho các hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi, cụ thể: Có hộ được bồi thường 69 triệu đồng/sào, có hộ được bồi thường 110.000 triệu đồng/sào, 130 triệu đồng/sào, có hộ được bồi thường 175 triệu đồng/sào nhưng chỉ nghe nói lại nên không có căn cứ gì về việc này. Ông L thấy việc áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau là trái với nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, không đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân trong cùng dự án. Ngày 13-12-2019 và ngày 28-5-2020, ông L cùng các hộ dân khác tại các Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố T, nội dung khiếu nại các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016, số 1185/QĐ-UBND ngày 04-5-2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17-5-2019 và số 2282/QĐ-UBND ngày 03-7-2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là BT, HT, GPMB) dự án xây dựng Khu dân cư mới xã V, thành phố T. Ngày 17-9-2020, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn P (trong đó có ông L), nội dung không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung các Quyết định đó. Ngày 21-10-2020, ông L cùng các hộ dân tại Thôn P, xã V, thành phố T tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, ngày 05-02-2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải

quyết khiếu nại (lần 2) của bà Hoàng Thị Tùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, xã V, thành phố T (trong đó có khiếu nại của ông L), nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T. Sau khi nhận được các Quyết định hành chính, ông L cho rằng các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông L. Ngày 10-5-2021, ông L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

2. Hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B, ông Hoàng Hải H, bà Hoàng Thị T đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, xã V, thành phố T;

3. Hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05-02-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị Tùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ông L không có ý kiến gì về việc thu hồi đất, nhưng do việc BT, HT, GPMB không công bằng nên ông yêu cầu UBND thành phố T nâng giá bồi thường cho gia đình ông là 175.000.000 đồng/sào.

Tại văn bản trình bày ý kiến của mình, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB: Dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30-7-2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án, tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23-9-2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản

số 2124/UBND-MCLT ngày 30-6-2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09-12-2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố T năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019. Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1 ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06-8-2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB, vì vậy UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình ông L) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05-8-2016, UBND thành phố T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31-8-2016 và ngày 11-9-2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác GPMB dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về GPMB. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án BT, HT, GPMB, phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết

định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ ông L.

Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố T đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã V lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19-12-2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21-01-2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07-5-2015 của UBND tỉnh Thái Bình; xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 (trong đó có hộ ông L) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19-12-2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21-01-2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND tỉnh Thái Bình, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt.

Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24-7-2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T, tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30-7-2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Vũ Phúc, thành phố T, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, thực chất khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V hay Khu dân cư Vũ Phúc đều là một dự án Khu dân cư mới xã V; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30-7-2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Vũ Phúc, thành phố T.

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND Thành phố T: Theo đơn khiếu nại đề ngày 28-5-2020 và nội dung làm việc ngày 11-6-2020

của Thanh tra thành phố T, bà Hoàng Thị Tùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T. Ngày 03-7-2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; ngày 20-7-2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tùng một số công dân Thôn P và thôn Phúc Thượng, xã V; ngày 09-7-2020, Chủ tịch UBND thành phố T có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại. Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T và một số công dân Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, ngày 17-9-2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09-7-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, đã kết luận: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04-5-2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17-5-2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03-7-2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND Thành phố là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012, của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013, của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20-10-2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố T và UBND Thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản trình bày ý kiến của mình, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân Thôn P, xã V, thành phố T, đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Thái Bình xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với các công dân, trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai), trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020, của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai): Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30-12-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Thái Bình về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thấy. Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình của Chủ tịch UBND thành phố T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Trần Văn L và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình trình bày: Trường hợp hộ gia đình ông L cũng như tất cả các hộ có đất thu hồi để thực hiện Dự án Khu dân cư mới xã V thành phố T đều được áp dụng chung một cơ chế chính sách BT, HT; đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho hộ gia đình ông L theo đúng quy định và đảm bảo công bằng giữa các hộ gia đình có đất thu hồi. Trường hợp nếu có hộ gia đình nào được hỗ trợ cao hơn, có thể là sự hỗ trợ tự nguyện của Chủ đầu tư dự án, không thuộc phạm vi quyết định

BT, HT, GPMB của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại ngày 19-5-2022 để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, người khởi kiện ông L đề nghị nâng mức bồi thường khi thu hồi đất là 175.000.000 đồng/01 sào ruộng (đất nông nghiệp) bị thu hồi, nếu không thì đề nghị Tòa án không tiến hành đối thoại tiếp và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký ghi biên bản phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp này là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng Hành chính. Về việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 62, 66, 69, 74 và 75 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 14, 15, 18 và 21 của Luật Khiếu nại năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm người bị kiện là UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vắng mặt, nhưng họ đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung. Ngày 01-12-2016, UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 13577/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T”, Quyết định số: 13577/QĐ-UBND bị một số hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông L) tại Thôn P, thôn P, xã V, thành phố T khiếu nại, ngày 17-9-2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 3272/QĐ-UBND

về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P và thôn P xã V, thành phố T (trong đó có khiếu nại của ông L), Quyết định số: 3272/QĐ-UBND bị một số hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông L) của Thôn P, thôn P xã V, thành phố T khiếu nại (lần hai), ngày 05-02-2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số: 520/QĐ-UBND, ngày 05-02-2021, về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với khiếu nại của một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn P xã V, thành phố T (trong đó có khiếu nại của ông L). Cho rằng các Quyết định số: 13577/QĐ-UBND; Quyết định số: 3272/QĐ-UBND và Quyết định số: 520/QĐ-UBND kể trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L. Ngày 10-5-2021, ông L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số: 13577/QĐ-UBND; Quyết định số: 3272/QĐ-UBND và Quyết định số: 520/QĐ-UBND là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án BT, HT, GPMB. Về thẩm quyền: Tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp đã chứng minh, dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30-7-2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23-9-2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30-6-2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. HĐND tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09-12-2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã V và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND thành phố quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06-8-2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông L và Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, ngày 05-8-2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó,

UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định. Ngày 01-12-2016 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định về việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp theo hiện trạng là 500,4 m², thu hồi diện tích đất nông nghiệp theo các Quyết định 652 và 948 là 496,0 m², tại các thửa đất số 64 và 248, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (loại đất LUC) của hộ gia đình ông L, hộ gia đình ông L đồng ý với quyết định thu hồi đất. Cùng ngày 01-12-2016, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án. Theo phương án BT, HT, GPMB kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01-12-2016 thì hộ ông L được bồi thường các khoản tổng là 104.025.600 đồng, cụ thể gồm:

- Bồi thường về đất: 20.823.000 đồng (đơn giá đất trồng cây hàng năm 42.000 đồng/m², hệ số 1,0) là phù hợp với quy định của Điều Điều 74 và Điều 77 Luật đất đai năm 2013, Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19-12-2014, của UBND tỉnh Thái Bình và Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21-01-2016, của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016.

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 31.248.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 15 của Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 8.280.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật đất đai; khoản 7 Điều 19 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND tỉnh Thái Bình.

- Bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu 2.001.600 đồng là phù hợp với công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29-6-2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng và quy định tại Điều 90 của Luật Đất đai năm 2013.

- Hỗ trợ khác theo công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07-5-2015 của UBND tỉnh Thái Bình 41.664.000 đồng .

Sau khi phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố T phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới hộ gia đình ông L. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã V tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho hộ gia đình ông L là 104.025.600 đồng, thể hiện tại *“Biên bản v/v chi trả tiền BT, HT và bàn giao mặt bằng dự án Xây dựng Khu dân cư mới tại xã V, thành phố T”* ngày 09-5-2019, ông L đã ký biên bản nhận tiền. Như vậy, UBND thành phố T đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông L theo đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84 và 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ về BT, HT, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh Thái Bình như đã phân tích nêu trên. Ông L cho rằng trường hợp này ông được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án khu dân cư mới xã V là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng, chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30-6-2015 của UBND tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã V). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 73 của Luật Đất đai năm 2013, như trình bày của ông L. Ngoài ra ông L còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng ông L không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho việc này. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND, ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Để giải quyết khiếu nại của ông L, do bà Hoàng Thị T và một số công dân xã V đại diện. Chủ tịch UBND thành phố T đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của ông L. Ngày 17-9-2020 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30 và 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20-10-2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của hộ ông L. Về nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND, ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có khiếu nại của ông L) là hợp pháp và có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

[4] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 520/QĐ-UBND, ngày 05-02-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại (lần hai) trong đó có khiếu nại của ông L, đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05-02-2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39 và 40 của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20-10-2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Về nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 520/QĐ-UBND, ngày 05-02-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND, ngày 17-9-2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, là hợp pháp và có căn cứ.

[5] Từ những nhận định kể trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông L. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông L.

[6] Về án phí: Căn cứ vào, Điều 344 và Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông L không được Tòa án chấp nhận, ông L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 344 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 93 và Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 9 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 của Luật Khiếu nại năm 2011. Điều 22 và Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn L.

3. Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu số 0005159, ngày 03-11-2021 của Cục Thi hành án Dân sự, tỉnh Thái Bình, ông Trần Văn L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Bằng